

# DUY-MA-CẬT KINH NGHĨA SỚ

## QUYỂN 2

Lúc bấy giờ, có con của vị trưởng giả ở thành Tỳ-da-ly tên là Bảo Tích cùng với năm trăm người con của các trưởng giả khác, đều cầm lọng bảy báu đến trụ xứ của Phật, đầu mặt lễ chân Phật, mỗi mỗi đều dâng lọng báu cúng dường Đức Phật: Phần tựa gồm hai chương, đã nói xong phần chứng tín, bây giờ là phần phát khởi tự. Chứng tín tự còn gọi là thông tự (tựa chung), phát khởi tự còn gọi là biệt tự (tựa riêng), các kinh đều nêu khác nhau. Như kinh Thắng Man thì nói việc cha mẹ để lại thư, còn kinh này thì nói trưởng giả cúng dường lọng báu. Do sự khác nhau này mà gọi là biệt tự. Và lại gọi là thông tự cũng gọi là hậu tự của kinh, vì khi còn thuyết kinh thì chưa đặt, sắp nhập Niết-bàn mới lập. Biệt tự cũng gọi là tiền tự của kinh, cũng gọi là hiện tại tự, vì trước khi thuyết kinh, có nêu lên nguyên do này nên gọi là tiền tự của kinh. Hậu tự của kinh cũng còn gọi là vị lai tự, vì lời ở đây khiến cho chúng sinh đời vị lai tin kinh. Tiền tự của kinh cũng còn gọi là hiện tại tự, vì tựa này làm lợi ích chúng sinh đời hiện tại. Mặt đất chấn động, trời mưa hoa, thật ra gồm bốn nghĩa, nhưng tùy thuận mà theo một tên. Trong tựa riêng chia ra làm ba chương:

1. Trưởng giả hiến cúng bảo cái.
2. Như Lai thọ nhận.
3. Lúc bấy giờ, đại chúng cung kính vui mừng.

Hỏi: Vì sao những chúng khác ở xa mà đến trước, còn Bảo Tích gần mà đến sau?

Đáp: Bạc Đại sĩ tiến hoặc dừng đều là vì lợi ích những người có duyên, cho nên đợi tập hội tất cả rồi mới đến sau. Và lại Bảo Tích thật ra đã đến trước, nhưng nghe pháp tâm sinh vui mừng dâng lọng báu cúng dường, và muốn khởi phát tịnh độ cho nên nêu lên. Trong hai ý thì ý sau là chánh, vì sao biết được? Vì trước đã nêu Bồ-tát Bảo Tích rồi, cho nên biết đã đến trước nhưng nghe pháp vui mừng lãnh ngộ, thiết vật cúng dường để khai phát tông chỉ, cho nên nêu lên sau. Những người

dâng cúng bảo cái đều là những người tôn quý của nước ấy, cầm lọng báu mà đi tức là xả bỏ những trần quý mình có để cúng dường Đức Phật. Vả lại nhân việc hiến cúng tài vật này mà phát khởi pháp môn tịnh độ thì phước tuệ đầy đủ, tự tha đều lợi ích.

Từ câu “do sức oai thần của Phật”... trở xuống là phần thứ hai, Như Lai thọ nhận. Thần thông có bốn:

1. Như ý thông, tức có thể chuyển biến tự thân và âm thanh phát ra rất lớn vang xa cùng khắp.
2. Như huyễn thông, biến đổi ngoại vật.
3. Pháp trí thông, tức thông đạt được các pháp.
4. Thánh như ý thông, tự tại nơi sáu trần, chẳng tùy duyên mà biến đổi. Nay nói sức oai thần tức thuộc hai loại đầu tiên.

Mà khiến cho các lọng báu hợp thành một lọng báu che phủ khắp tam thiên đại thiên thế giới: Ngài La-thập ghi: “Hiện thần biến này là có hai yếu chỉ:

1. Hiện thần biến vô lượng, biểu thị trí tuệ ắt sâu xa.
2. Bảo Tích hiến cúng trần châu quý, ắt sẽ đạt được quả báo tốt đẹp, tức nói nhân thì nhỏ mà quả thì lớn.”

Cát Tạng cho rằng hợp các bảo cái thành một là có năm nhân duyên:

1. Ngay nơi sự mà thọ dụng, như hợp bốn bát thành một bát.
2. Hợp thành một bảo cái, hiện các cõi Phật, nhân đây mà thuyết pháp môn tịnh độ.
3. Muốn nghe tông chỉ Bát tư nghi, bảo cái chẳng rộng lớn mà che phủ đại thiên, cõi nước chẳng hẹp mà hiển hiện trong đó. Đức Thích-ca thì lược nói ở trước, ngài Tịnh Danh bàn rộng ở sau thì tướng thành đạo đã rõ, tâm tin hiểu đã bền.
4. Muốn nói các pháp không có tướng nhất định, nhiều chẳng phải nhất định là nhiều, mà nhiều có thể là một, một chẳng phải nhất định là một, mà một có thể là nhiều, khiến cho chúng sinh ngộ được thật tướng chưa từng là nhiều là một.
5. Biểu thị các vị trưởng giả ở hiện tại đồng ngộ vô sinh, vị lai cùng ngộ một quả Pháp thân.

Bảo cái che trùm như thế, mà tướng rộng lớn của thế giới này hiện cả trong đó: Trên là nói bảo cái che phủ đại thiên, đây là luận về cõi nước hiện trong bảo cái.

Vả lại các núi Tu-di, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Đại mục-chân-lân-đà, Hương sơn, Bảo sơn, Kim sơn, Hắc sơn, Thiết vi, Đại

thiết vi, trong tam thiên đại thiên thế giới: Đây là nói các núi trong thế giới, hiện trong bảo cái. Núi lớn có mười tòa, trong đó núi Tu-di cao lớn nhất, ở ngay chính giữa, chín ngọn khác theo thứ tự nhỏ dần vây quanh núi Tu-di.

Biển lớn, sông rạch, suối nguồn: Suối và đồi là nơi mà người có lòng nhân ưa thích, cho nên kể tiếp sau núi.

Và mặt trời, mặt trăng, các vì sao, cung trời, cung rồng, cung các tôn thần, tất cả đều hiện trong đó: Sông núi là nói về mặt đất, kế tiếp văn này là thuật về cung trời. Mặt trời, mặt trăng và sao là ba loại ánh sáng. Cung của các tôn thần là nơi cư ngụ của tám bộ.

Chư Phật thuyết pháp trong mười phương chư Phật cũng đều hiện trong bảo cái này. Từ trước đến đây là chỉ nói về một thế giới Ta-bà, từ đây về sau, là hiện mười phương tịnh độ. Các người con của những vị trưởng giả, tuy đã phát đạo tâm, nhưng chưa tu tịnh độ muốn thấy tình huống cúng dường để khai phát chí cầu tịnh độ. Cho nên nhân nơi bảo cái hiện mười phương cõi Phật tịnh uế, khiến cho bỏ tâm uế nhiễm mà tu hạnh tịnh độ. Ba ngàn là một thế giới, số lượng như thế cho đến hàng sa là một thế giới, hàng sa một thế giới là một thế giới hải, hàng sa thế giới hải là một thế giới chủng, hàng sa thế giới chủng là một thế giới của Phật.

Lúc bấy giờ, đại chúng nhìn thấy sức thần của Phật đều khen là việc chưa từng có, liền chấp tay cung kính lễ Phật và chiêm ngưỡng tôn dung ngài mà không hề nháy mắt: Từ đoạn này trở xuống là phần thứ ba nói về đại chúng vui mừng khen ngợi, vì bên trong có lòng thành tin thích, cho nên tướng chiêm ngưỡng khen ngợi hiện ra bên ngoài.

Trưởng giả Bảo Tích liền ở trước Đức Phật nói kệ khen rằng: Trên là thuật chung đại chúng khen ngợi, ở đây là nói riêng Bảo Tích khen ngợi. Nhưng nói kệ, gồm hai ý:

1. Dùng ngôn từ giản lược để tổng nêu các đức của Phật.
2. Dùng từ khéo léo để khiến người nghe sinh tâm vui thích.

Không hỏi số lời nhiều hay ít, nhưng cần phải đủ bốn câu mới thành kệ. Kệ là âm Phạm, “tụng” là từ do Hán phiên âm, gọi chung nên ghi kệ tụng. Sở dĩ nói kệ là vì có bốn nguyên nhân:

1. Cúng dường bảo cái, là nói đến cúng dường tài vật, nói kệ khen ngợi là cúng dường pháp.
2. Trên là dùng thân nghiệp cung kính, ở đây là khẩu, nghiệp cung kính.
3. Trước nói hình cung kính không đủ để diễn tả nơi tâm, nay

dùng tâm suy nghĩ lời vi diệu mà vịnh tụng ra nơi miệng, thì đầy đủ ba nghiệp.

4. Như Lai thuyết pháp hiện thân thông, đại chúng tuy có vui mừng cung kính vân tập, nhưng còn chưa biết được nguyên do, cho nên nói kệ khen ngợi, khiến cho hiện tiền chúng hội lãnh ngộ.

Kệ có năm chương:

1. Khen ngợi bản đức.
2. Khen ngợi tích dụng.
3. Khen ngợi lại bản một lần nữa.
4. Khen ngợi lại tích một lần nữa.
5. Tổng kết việc khen ngợi.

### **1. Khen ngợi bản đức:**

*Mắt sáng, dài, rộng như sen xanh.*

Câu này là khen ngợi thân của Đức Phật. Thân hình thì có năm căn, mắt là đứng đầu, cho nên căn cứ nghĩa đầu tiên mà khen ngợi. Thế tục thường nói: “Thân bảy thước không bằng mắt một thước, mắt một thước không bằng mắt một tấc.” Cho nên đầu là căn thù thắng nhất của một thân, đây là khen ngợi nghĩa “hơn”. Vả lại Đức Phật dùng mắt Từ bình đẳng nhìn chúng sinh, từ là gốc của đức, đây là khen ngợi nghĩa “gốc”. Bảo Tích chiêm ngưỡng tôn dung Đức Phật mà làm kệ, cho nên khen ngợi mắt Phật. Luận Trí Độ ghi: “Loại sống trên đất liền thì Tu-mạn là hơn hết, loại sống ở nước thì sen xanh là đệ nhất.” Ở Thiên Trúc có loại sen xanh, lá dài và rộng, xanh trắng phân biệt rõ ràng giống con mắt của bậc đại nhân, cho nên dùng lá sen này làm dụ.

*Tâm tịnh tận cùng độ thiên định:*

Nói mắt sáng là để khen ngợi sắc thân Như Lai, nói tâm tịnh là để khen ngợi đức của Như Lai. Mắt là đứng đầu năm căn, tâm gốc của vạn đức, cho nên khen ngợi tâm. Vả lại tâm thanh tịnh thì mắt trong sáng, nêu tâm để chứng minh cho mắt. Thiên định rất sâu rộng dụ như biển lớn, chỉ có tâm tịnh của Phật mới đến cùng tận bờ thiên định mà thôi, cho nên gọi là độ.

*Xưa chứa tịnh nghiệp kể không cùng*

Sắc thân và đức của Như Lai sở dĩ đều vi diệu thù thắng đều là do ba nghiệp thanh tịnh đã lâu. Đây là nêu lên nhân hạnh, để giải thích quả đức. Nhân quả đã thắng diệu thì mười hiệu vang xa, cho nên gọi là kể không cùng.

*Dùng tịch độ sinh, con kính lễ.*

Vì đức đã lập, danh đã lưu truyền cho nên có thể dẫn dắt chúng sinh. Pháp dẫn dắt chúng sinh là pháp tịch diệt vô vi, như kinh Pháp Hoa ghi: “Niết-bàn rốt ráo, tướng thường tịch diệt”, đó là thật thể của các pháp cho nên chỉ nói đến pháp ấy mà thôi, một lời khen này xong, cho nên kính lễ. Trên là nói về khẩu nghiệp, ở đây là nói về thân nghiệp kính lễ. Câu kệ này trước sau hợp thành năm đôi, đó là hình tâm, nhân quả, đức danh, tự tha, tán kính (khen ngợi kính lễ).

### **2. Khen ngợi Tích dụng:**

*Đã thấy Đại thánh dùng thân biến  
Hiện khắp mười phương vô lượng cõi  
Trong đó chư Phật đang thuyết pháp  
Nơi đây tất cả đều thấy nghe.*

Dùng hình đức làm bản, dụng thân thông làm tích, cho nên đầu tiên khen ngợi đức bản, kể đến mới khen ngợi tích dụng. Luận Chánh Quán ghi: “Thánh có ba bậc:

1. Ngoại đạo đạt năm thông.
2. A-la-hán và Duyên giác.
3. Pháp thân Đại sĩ.

Phật là Bậc độc tôn trên Tam thánh cho nên gọi là Đại. Không lường được thì gọi là thần, thay đổi hình chất gọi là biến. Đã thấy sự thần biến hợp các bảo cái thành một bảo cái mà hiện trong đó mười phương quốc độ cho đến chư Phật mười phương giảng nói giáo môn. Ba việc này là ứng, toàn chúng hội đều thấy nghe là cảm.

### **3. Khen ngợi lại đức bản:**

*Pháp lực Pháp vương vượt quần sinh,  
Thường dùng pháp tài ban tất cả.*

Căn cứ theo văn này thì gồm năm lời khen ngợi đó là khen ngợi pháp vương, khen ngợi pháp hải, khen ngợi sơn vương, khen ngợi hư không và khen ngợi Nhân bảo. Một, khen ngợi Pháp vương: Trước đã khen ngợi thân thông, nay khen ngợi thuyết pháp, thân thông khiến cho chúng sinh sinh phước, thuyết pháp làm chúng sinh phát tuệ. Vả lại thân thông khiến sinh lòng tin, thuyết pháp làm sinh tuệ giải. Đế vương của thế tục dùng sức thế tục mà trên cả nhân dân, cho nên chỉ có thể cai trị trong một nước. Còn vua pháp thì dùng sức pháp siêu việt mọi người, cho nên có thể dẫn dắt cứu độ tất cả không biên giới.

*Khéo léo phân biệt các pháp tướng,*

*Mà nơi Đệ nhất nghĩa không động.*

Nay giải thích, pháp thì vô cùng nhưng chẳng lìa nhị đế, cho nên căn cứ theo nhị đế để giải thích Pháp vương. Khéo léo phân biệt tục, mà chẳng trái chân, nên gọi là không động.

*Đã được tự tại đối các pháp,*

*Cho nên con lễ Đấng Pháp Vương.*

Khen ngợi Pháp vương có ba môn, trước nêu, kế đến là giải thích, bây giờ là kết luận. Đế vương thế tục thì tự tại với dân, Pháp vương thì tự tại với pháp. Vì pháp không có tướng nhất định, tùy chúng sinh phân biệt mà thuận theo lý ứng hợp căn cơ cho nên gọi là tự tại. Vả lại trên nói tục mà chẳng động, nay luận chân mà chẳng trái tục, tức là tự tại. Hai câu khen ngợi đã xong, cho nên đành lễ.

Thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không.

Trước khen ngợi “nói tục chẳng trái chân”, ở đây thì khen “lời lại hợp Trung đạo”. Có ba ý:

1. Tức hai đế đã nêu hợp làm Trung đạo, vì tục đế cho nên chẳng thể là không, vì là chân đế nên chẳng thể là có. Như Lai lập hai đế là để phá hai kiến chấp có không, cho nên luận chủ giải thích Đại Phẩm cho rằng: “Bồ-tát trụ trong hai đế thuyết pháp cho chúng sinh, vì người chấp có nên thuyết không, vì người chấp không mà thuyết có.” Tức là việc này.

2. Dùng hai đế có không để luận Trung đạo chẳng có chẳng không. Như kinh Hoa Nghiêm năm ghi: “Liễu đạt tất cả pháp có không, chẳng phải có không”.

3. Chỉ căn cứ theo hai đế, mỗi đế nói về Trung đạo. Tục đế là nhân duyên giả có, giả có thì chẳng thể nhất định là có, giả không chẳng thể nhất định là không, chẳng có chẳng không tức Trung đạo. Chân đế cũng như thế, giả có chẳng thể nhất định là có, giả không chẳng thể nhất định là không, tức là Trung đạo.

Nay kệ nói rằng: “Thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không” là đã bao hàm các ý đã nêu.

Ngài Tăng Triệu nói: “Muốn nói nó có thì có chẳng tự sinh, muốn nói nó không thì duyên hội có hình. Hình do hội chẳng thể cho là không, chẳng phải không chẳng phải có, cho nên thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không.”

Ngài Tăng Triệu lại nói: “Vả lại, có hữu nên có vô, không có hữu thì vô nào có? Có vô cho nên có hữu, nếu không có vô thì nào có hữu? Thế thì tự có thì chẳng có, tự không thì chẳng không, đây là chánh

thuyết của Đấng Pháp Vương.”

Xét ý của Triệu công thì đoạn trước căn cứ theo hai đế để nói chẳng có chẳng không, cả một đoạn sau thì luận về chân tục đều bất. Cát Tạng tôi cho rằng nếu y cứ vào việc bác bỏ bệnh để hiểu thông văn này, thì Tăng Khư chấp trong nhân nhất định có quả, Vệ Thế Sư chấp trong nhân nhất định không có quả, Tỳ-đàm nói ba thời đều thật có, Thành Thật nói ba thời thật không, nội giáo và ngoại giáo nói như thế đều chẳng phải là chánh thuyết. Pháp mà Như Lai nói là lìa có không này, cho nên nói:

*Thuyết pháp chẳng có, cũng chẳng không,  
Do nhân duyên nên các pháp sinh.*

Đã lìa định tánh có không, tức nhân duyên sinh, lìa định tánh có không tức phá tà, do nhân duyên sinh tức hiển chánh, văn giản lược mà nghĩa đầy đủ.

*Không ngã, không tạo, không thọ giả,  
Các nghiệp thiện ác cũng chẳng mất.*

Trên chỉ căn cứ theo pháp mà luận về chẳng có chẳng không, ở đây là hợp nhân và pháp để luận chẳng có chẳng không. Vì không ngã nhân cho nên chẳng có, mà không mất nhân quả, cho nên chẳng không.

Hỏi: Nếu không có thật ngã nhân, cũng không có định tánh nhân quả, và đã có nhân duyên nhân quả, cũng có giả danh ngã nhân, có thì đều có, không thì đều không, vậy nay vì sao nói không nhân (người) mà có pháp?

Đáp: Thật như đã hỏi, nhưng nay vì phá đoạn thường, hiển bày Trung đạo, cho nên nói không nhân mà có pháp. Vì sao? Vì không nhân cho nên phá định tánh thường, vì có pháp, thì chẳng đoạn diệt, xa lìa hai bên, gọi là Trung đạo.

Hỏi: Ngã, tạo tác và thọ giả, ba pháp này có gì khác biệt?

Đáp: Ngã là chủ của chân thể, là thể, có thể tạo nhân thiện ác, thọ quả báo phước họa. Hai pháp sau là dụng, cho nên khác nhau.

Đầu tiên hàng ma nơi Phật thọ.

Đây là khen ngợi pháp hải: Từ trên đến đây là khen ngợi Phật diễn thuyết Đại pháp tại Am viên, từ đây về sau là tiếp tục nói về việc xưa kia nói giáo Tiểu thừa. Nếu luận theo thứ tự, lẽ ra trước nói tiểu, sau thuật Đại. Nhưng căn cứ theo sự mà khen ngợi, cho nên đầu tiên là đại sau là tiểu.

Hỏi: Vì sao lại khen ngợi Tiểu thừa?

Đáp: Muốn nói rằng đạo chưa từng là Đại Tiểu, vì Như Lai phát khởi duyên Đại Tiểu, cho nên mới có phương tiện Đại Tiểu. Hai là, văn này chưa hẳn là Tiểu, nhưng Bảo Tích trước sau đều khen ngợi cho nên có chương này. Sức chế ngự của đạo lực thì ma binh chẳng thể chống lại được, cho nên nói “đầu tiên hàng ma nơi Phật thọ”.

*Được cam lộ diệt, thành đạo giác.*

Trước nói về hàng phục ma, ở đây nói về thành Phật. Pháp tịch diệt dụ như cam lộ, vì đạt pháp này nên đạo Đại giác thành tựu.

*Đã không tâm ý, không thọ hành,*

*Mà phá dẹp tất cả ngoại đạo.*

Cát Tạng đã thấy nghĩa sơ của Tăng Duệ, thuật lại ý của ngài La-thập rằng: “Câu này lẽ ra trước các câu nói về hàng ma, lúc mới xuất gia, học pháp ngoại đạo, thực hành các khổ hạnh, lúc bấy giờ không có tâm cầu đạo, không có ý thọ học, nhưng muốn biểu thị hạnh khó làm, có thể phá dẹp ngoại đạo, cho nên nói dùng không tâm ý không thọ hành, sau đó hàng phục các ma, thành chánh giác, chuyển pháp luân, hiện Tam bảo, đó là theo thứ tự, nhưng nêu lên sau là chỉ vì sau khi thành Phật, chánh ngộ đã hiển bày, thì nêu lên khổ hạnh khi trước để hiển nghĩa phá tà.”

Có người cho rằng vô tâm tức là không còn thức ấm, vô thọ hành, tức không còn ba ấm thọ, tưởng, hành. Vì vô tâm mà chế phục cho nên không chế phục.

*Tam chuyển pháp luân khắp đại thiên.*

Tam chuyển là: Thị chuyển, nghĩa là nói đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo. Hai là, khuyến chuyển, nghĩa là nói nên biết khổ, nên đoạn tập, nên chứng diệt, nên tu đạo. Ba là, chứng chuyển nghĩa là nói ta đã biết Khổ, chẳng cần biết nữa; ta đã đoạn Tập, không cần đoạn nữa; ta đã chứng Diệt, không cần chứng nữa; ta đã tu Đạo, không cần tu nữa. Một lần chuyển thì sinh bốn tâm là nhãn, trí, minh, giác. Ba lần chuyển thì sinh mười hai tâm gọi là Thập nhị hành pháp luân. Căn cứ theo nghĩa của Tỳ-đàm thì y theo ba loại căn cơ mà có mười hai hành. Còn theo luận Thành Thật thì sơ chuyển sinh văn tuệ, nhị chuyển sinh tư tuệ, tam chuyển sinh tu tuệ.

*Pháp luân ấy vốn thường thanh tịnh.*

Đầu tiên ở Lộc uyển tuy có ba chuyển, nhưng thật không có chuyển cho nên nói thường thanh tịnh. Ngài Tăng Duệ nói: “Pháp luân vô lậu vô tướng, thể của nó không có tăng giảm, có Phật thì chuyển, không Phật thì phế bỏ, dùng hoặc bỏ do người, mà tánh tướng chẳng khác.”



*Trời người đắc đạo, đó là chứng.*

Trời tức tám vạn vị trời như Diêm-ma, Thiên tử..., người tức năm người như Kiều-trần-như... nghe chuyển pháp luân chứng sơ quả. Cát Tạng y cứ theo Tỳ-bà-sa cho rằng trong năm người, chỉ một mình Kiều-trần-như là được sơ quả, còn bốn vị kia, lúc bấy giờ trụ ở giai vị tứ thiện căn đến đầu hạ mới đắc đạo.

*Tam bảo từ đó hiện ở đời.*

Giác đạo đã thành tức có Phật bảo, pháp luân đã chuyển tức có Pháp bảo. Năm người xuất gia đắc đạo tức có Tăng bảo. Nói “từ đó” tức là bắt đầu.

*Dùng diệu pháp này cứu quần sinh,  
Đã đạt chẳng thoái, thường vắng lặng.*

Trên là luận về trời người chứng Thánh, câu này là phân biệt với ngoại đạo. Chín mươi sáu phái ngoại đạo về phương diện đạo pháp cũng có thể đoạn trừ kiết hoặc, sinh vào cõi Vô sắc, nhưng đạo của họ chẳng chân thật, còn đọa vào ba đường ác, Đức Phật dùng diệu pháp bốn đế, cứu giúp chúng sinh trong ba thừa, không có một ai đã chứng đắc rồi mà còn rơi trở lại sinh tử, cho nên nói: “Đã đạt thì chẳng thoái”, vĩnh viễn vô vi gọi là thường vắng lặng.

*Đại y vương vượt lão bệnh tử.*

Hố già bệnh tử sâu rộng thật khó vượt qua, chỉ có Phật mới có thể làm cho ta và người đều được độ thoát, nên gọi ngài là Đại y vương.

*Thường lễ biển pháp đức vô biên.*

Pháp luân cũng sâu rộng dụ như biển cả, lưu chuyển nhuần thấm vô biên, nên gọi là đức vô biên. Một câu này khen ngợi xong, cho nên lại xưng lễ.

*Hủy (chê) dự (khen) chẳng động như Tu-di.*

Đây là phần khen ngợi Sơn vương thứ ba, đã vào thế gian thuyết pháp, ắt phải gặp tám gió, cho nên tiếp theo văn trước mà phát khởi lời khen ngợi này. Tám pháp lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc là tám ngọn gió mạnh, nhưng không làm xao động Đức Phật, giống như bốn ngọn gió thổi vào núi Tu-di mà không thể làm cho núi lay chuyển. Lợi và suy là luận theo tài vật. Mình được tăng thêm gọi là lợi, mình bị cướp đoạt gọi là suy (mất). Hủy, dự, xưng, cơ là thuộc về miệng. Mạ nhục người gọi là hủy, khen ngợi quá mức gọi là dự, người làm điều thiện thì khen thiện gọi là xưng, người làm điều ác thì chê ác, gọi là cơ. Khổ lạc (khổ vui) thuộc về thân. Tổn thân mạng thì khổ, thân mạng tăng ích thì vui. Nhưng bốn pháp như lợi... làm phát sinh tâm tham, bốn pháp như

suy... làm khởi tâm sân, đã có tham, sân ắt phải có si sử. Đức Phật thì đã đoạn ba độc, cho nên tám gió chẳng làm lay động.

*Thiện hay bất thiện đồng thương xót.*

Chặt tay chẳng oán, nịnh hót chẳng vui, thiện ác do người, lòng từ chẳng có hai.

*Tâm hành bình đẳng như hư không.*

Đây là phần thứ tư là thán hư không. Sở dĩ đối với thiện ác không động, là do tam hành như hư không; giải thích nghĩa trên, phàm có tâm thì có giới hạn, có giới hạn thì không cùng khắp. Vì tâm của bậc Thánh là vô tâm cho nên bình đẳng rộng lớn như hư không.

*Ai nghe nhân bảo chẳng kính vâng.*

Đây là phần thứ năm khen ngợi nhân bảo. Vì tâm hành như hư không thì vượt trên loại người, cho nên gọi là bảo trong loại người; đối với chư Thiên thì tôn là Thiên bảo, đối với loại người thì tôn là nhân bảo. Đã là bảo đối với tất cả trời người thì trời người há có thể đạt đến chẳng. Cho nên chẳng ai mà không tôn kính.

*Nay dâng Thế Tôn lòng nhỏ này*

*Trong đó hiển hiện cõi tam thiên*

*Cung điện chư Thiên cùng Long thần*

*Càn-thát-bà loại với Dạ-xoa,*

*Đều thấy mọi vật ở thế gian*

*Xót thương nên hiện biến hóa này*

*Thấy việc hi hữu đồng khen Phật*

*Nay con lay đấng Tam giới tôn.*

Đây là đoạn bốn khen ngợi lại tích dụng. Căn cứ theo văn, thì có hai, đầu tiên khen ngợi ân sâu khó báo đáp, kể đến khen ngợi ba mật khó nghĩ bàn. Bốn câu trước đầu tiên nói về vật cúng rất nhỏ bé, kể đến nói long hiện thành lớn, thứ ba nói về lòng Từ bi xót thương nên hiển hiện, thứ tư là khen ngợi và đảnh lễ.

*Đại Thánh chỗ nương của muôn loại*

*Tâm tịnh quán Phật đều vui thích*

*Mỗi mỗi đã thấy Phật hiện tiền*

*Đó là thần lực pháp Bất cộng.*

Đây là khen ngợi ba mật khó nghĩ bàn. Đầu tiên khen ngợi thân mật, kế khen ngợi khẩu mật. Luận Trí Độ cho thân mật có hai:

1. Chỉ hiện một thân mà chúng xa gần đều thấy Phật ở trước mặt, như một mặt trăng trên hư không mà ảnh hiện dưới trăm sông.

2. Như Lai tùy thuận hiện một thân, mà có thể khiến cho vạn loại,

mỗi mỗi thấy được Phật thân giống như mình, như trời thấy Phật là trời, người thì thấy Phật là người.

*Phật dùng một âm để thuyết pháp  
Chúng sinh mỗi loại đều hiểu được  
Nên đều cho Phật dùng tiếng mình  
Đó là thần lực Bất cộng pháp.*

Đây là khen ngợi khẩu mật, theo văn thì có ba: Đầu tiên nói về dùng một thứ tiếng mà các loại khác nhau đều hiểu, kể đến chỉ nói một pháp mà tùy nghĩa đầy đủ các hạnh, sau cũng nói về việc thuyết thì đồng mà chúng thì vui buồn cùng phát khởi.

Hỏi: Vì sao là một âm?

Đáp: Có người cho rằng vì là một pháp thân. Vì pháp thân Bất nhị cho nên gọi là một, từ một pháp thân phát âm thanh nên gọi là một âm. Có người cho rằng trong một thời gian mà phát ra các âm, thì mỗi chúng không thể biết được, cho nên nói một âm. Trong năm âm, tùy thuận dùng một âm, mà muôn loại đều hiểu. Tỳ-bà-sa ghi: “Thân Phật là thân người Thiên Trúc, âm Phật là âm Thiên Trúc, cho nên thời bất đầu chuyển pháp luân, theo âm Thiên Trúc nói bốn Đế. Người thì nghe thành tiếng người, trời thì nghe tiếng của trời, các loại khác cũng như thế. Nay dùng cách giải thích này mà gọi là bất cộng. Vì Nhị thừa chỉ có thể dùng một âm là một, nhiều âm là nhiều, chẳng thể nói một loại âm mà muôn loại cùng hiểu, cho nên gọi là bất cộng.

*Phật dùng một âm để thuyết pháp  
Chúng sinh mỗi loại đều hiểu được  
Đồng được thọ hành đạt lợi ích  
Đó là thần lực pháp Bất cộng.*

Đây là nói về việc chỉ dùng một âm để thuyết pháp, nhưng tùy theo nghĩa mà đầy đủ các hạnh, như người thích bố thí thì nghe bố thí, người thích tu trì giới thì nghe giới, mỗi mỗi đều được lợi ích.

*Phật dùng một âm để thuyết pháp  
Hoặc người sợ hãi hoặc vui vẻ  
Hoặc sinh nhàm chán hoặc dứt nghi  
Đó là thần lực pháp Bất cộng.*

Đây là nói việc thuyết thì đồng, mà vui buồn đồng sinh khởi. Ngài Tăng Duệ ghi: “Như nói một pháp khổ, mà sinh bốn tâm, có người nghe khổ sinh tâm sợ hãi, có người nghe khổ, biết khổ là khổ thì sinh vui vẻ, có người nghe khổ thì nhàm chán xa lìa sinh tử, có người nghe khổ biết thật là khổ, liền đoạn tâm nghi, có người cho rằng nghe pháp khác thì

sinh bốn tâm, nghe ba đường khổ thì sợ hãi, nghe trời người vui thú thì ham thích, nghe nói bất tịnh thì xa lìa, nghe nhân quả thì dứt nghĩ.

*Lạy Đấng Thập Lực đại tinh tấn*

*Lạy Đấng đã đạt vô sở úy*

*Lạy Đấng trụ nơi pháp Bất cộng*

*Lạy Đấng Đạo Sư của muôn loại.*

Đây là đoạn thứ năm tổng khen ngợi, đối với thân và khẩu đã nói ở trước, thì đây là ý mật. Căn cứ theo văn thì gồm hai phần: Đầu tiên là khen ngợi môn đặc ly, kế đến là khen ngợi môn không hữu. Đây là căn cứ theo sở đắc mà khen ngợi. Khen ngợi sở đắc gồm hai câu, câu đầu khen ngợi tự đức, từ câu đại Đạo sư trở xuống là khen ngợi hóa tha. Phàm khiến ra khỏi ba cõi là tiểu Đạo sư, khiến siêu việt trong ngoài ba cõi cho đến Phật đạo, mới là bậc Đại đạo sư.

*Lạy Đấng đoạn trừ mọi trói buộc*

*Lạy Đấng đã đạt đến bờ kia*

*Lạy Đấng vượt qua các thế gian*

*Lạy Đấng xa lìa đường sinh tử.*

Đây là khen ngợi sở ly. Trong ý khen ngợi sở ly cũng có hai:

1. Khen ngợi tự ly, hay vượt qua các thế gian.
2. Khiến người khác lìa khổ (tha ly).

Trong tha ly là ly quả khổ, tự ly là ly cả nhân quả.

Biết rõ chúng sinh tướng đến đi.

Đây là căn cứ theo môn không hữu để khen ngợi. Đầu tiên theo hữu môn, hành nghiệp của chúng sinh, đến đi trong sáu đường, tâm dong ruổi theo phải trái, tất cả đều biết rõ.

Khéo biết các pháp được giải thoát.

Vì ta chấp trước các pháp nên các pháp trói buộc ta, nếu tâm ta không nhiễm trước thì vạn sự trói buộc ngay đó sẽ không còn. Vì chúng sinh có đến đi nên có trói buộc. Nếu ngộ thể của đến rất ráo không có chỗ đến, thì được giải thoát. Như phẩm Phược Thoát của Trung luận ghi: “Ở môn thường và vô thường, cầu tìm tướng đến đi đều chẳng thể được. Thứ năm là môn tìm cầu, tìm tướng chúng sinh chẳng được cho nên không thể đến đi”. Có thường vô thường, tìm cầu tướng đến đi chẳng được cho nên không có qua lại tức là giải thoát trói buộc.

*Chẳng nhiễm thế gian như hoa sen.*

Từ đây trở xuống là phần thứ hai khen ngợi không môn.

*Thường khéo vào các hạnh không tịch.*

Câu này giải thích ý nghĩa không nhiễm thế gian. Vì khéo vào

không tịch, tâm vắng lặng cho nên chẳng nhiễm thế gian. Tuy ở thế gian mà thường vào không tịch, cho nên chẳng nhiễm thế gian. Nói “khéo vào” là vì người tà kiến vào không thì cho là không nhân quả, Nhị thừa vào không liền thủ chứng không, Bồ-tát tâm dụng công mà vào không, ba loại nhập vào không này đều chẳng phải là “khéo vào”, trái với nhập vào không nói ở đây. Nghĩa khéo vào không là ra vào tự tại, mà chẳng trái với vắng lặng, cho nên nói là “thường thiện”.

*Thông đạt pháp tướng không ngăn ngại.*

Tuy có mà thường không, tuy không mà thường có cho nên vô ngại.

*Lạy Đấng vô y tựa hư không.*

Tâm cảnh chẳng gá nương nhau, như hư không không nương tựa vào đâu. Đây là căn cứ theo hư không mà khen ngợi.

Lúc bấy giờ, Trưởng giả Bảo Tích nói kệ xong, liền bạch Phật rằng: “Năm trăm vị trưởng giả tử này đều đã đạt tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”: Phần tựa đã hết, đây là phần chánh thuyết. Văn gồm bốn chương:

1. Trưởng giả hỏi.
2. Như Lai căn dặn và hứa khả.
3. Vâng lời dạy nhất tâm lắng nghe.
4. Như Lai trả lời.

- Chương một gồm hai phần:

1. Tự nói phát tâm.
2. Hỏi Phật về tịnh độ.

Sở dĩ nói hai điều này là vì làm một bậc Đại sĩ trước phải phát tâm, sau mới tu hành. Cho nên Thiện Tài nói: “Con đã phát tâm Bồ-đề, nhưng chưa biết thế nào là tu hạnh Bồ-tát?” Nay cũng như thế. A-nậu-đa-la, Hán dịch là Vô thượng; Tam-miệu-tam, Hán dịch là Chánh biến tri; Bồ-đề là đạo. Nghĩa là đạo ấy chân chánh, không pháp nào chẳng biết tức chánh biến tri.

Nguyện nghe được cõi Phật thanh tịnh, cúi mong Đức Thế Tôn nói về hạnh tu tịnh độ của Bồ-tát: Đây là phần hỏi chánh. Trước đã phát tâm Bồ-đề, nay hỏi về Bồ-tát hạnh. Yếu hạnh của Bồ-tát gồm có hai, đó là làm thanh tịnh cõi Phật và thành tựu chúng sinh. Nhưng không hỏi thành tựu chúng sinh, chỉ hỏi về thanh tịnh cõi Phật là do Bảo Tích đang cúng lọng báu, Như Lai hiện cõi nước, cho nên chỉ hỏi một hạnh ấy thôi. Căn cứ theo câu hỏi thì có hai ý: Đầu tiên hỏi về quả tịnh độ, cho nên nói nguyện nghe được cõi Phật thanh tịnh. Được cõi Phật thanh tịnh, tức

là quả tịnh độ mà Phật chứng đắc.

Cúi mong Đức Thế Tôn nói về hạnh tu tịnh độ của Bồ-tát: Đây là hỏi về nhân tịnh độ. Phàm quốc độ sở dĩ thanh tịnh, ắt là do nơi hạnh, cho nên thỉnh nói về hạnh. Phàm hạnh ắt tại người học, cho nên nói Bồ-tát. Câu hỏi này chính là nguyên do của việc Như Lai hiện bảo cái, là bản ý của Bảo Tích... đến chỗ Phật.

Đức Phật bảo rằng: “Hay thay! Bảo Tích đã có thể vì các Bồ-tát mà hỏi Như Lai về hạnh tu tịnh độ. Hãy lắng nghe! Lắng nghe, suy nghĩ kỹ và ghi nhớ rõ! Ta sẽ nói cho các ông.”:

- Phần hai nói về Phật khen lời hỏi, căn dặn lắng nghe và hứa khả trả lời. Hỏi đã hợp lý và ứng cơ, vì thế nên được khen ngợi. Lặp lại lời “lắng nghe” là khiến cho người chú tâm nghe pháp để sinh ba tuệ. “Lắng nghe” tức văn tuệ, suy nghĩ kỹ là tư tuệ, ghi nhớ là tu tuệ. Sẽ nói cho các ông biết, là hứa khả trả lời.

Lúc ấy, Bảo Tích và năm trăm trưởng giả vâng lời dạy, cung kính lắng nghe.

- Phần ba tức vâng theo lời dạy nhất tâm lắng nghe.

Đức Phật dạy rằng: “Này Bảo Tích! Tất cả chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát.”

- Phần bốn là trả lời câu hỏi. Nói chung về cõi Phật gồm có năm:

1. Tịnh.
2. Bất tịnh.
3. Bất tịnh tịnh.
4. Tịnh bất tịnh.
5. Tạp độ.

Cõi tịnh, tức Bồ-tát dùng pháp thiện giáo hóa chúng sinh, chúng sinh đều tin nhận pháp thiện, đồng tạo thiện duyên, được cõi tịnh hoàn toàn. Cõi bất tịnh nếu chúng sinh tạo ác duyên tức cảm cõi uế trước. Cõi tịnh bất tịnh, tức đầu tiên là cõi tịnh, sau đó các chúng thiện ở đây hết duyên, các chúng sinh ác lại đến, thì quốc độ lại biến thành bất tịnh. Bất tịnh tịnh, duyên bất tịnh đã hết, sau chúng thanh tịnh đến thì quốc độ biến thành tịnh, như Bồ-tát Di-lặc hưng khởi tạp độ, chúng sinh khởi đủ hai nghiệp thiện ác, cho nên chiêu cảm quốc độ có tịnh uế lẫn lộn. Năm cõi này là do tự nghiệp của chúng sinh cảm mà sinh khởi, lẽ ra gọi là chúng sinh độ, nhưng Phật có công giáo hóa cho nên gọi là Cõi Phật. Báo độ đã có năm loại, thì ứng độ cũng có năm, Báo độ là căn cứ theo nghiệp cảm của chúng sinh, ứng độ thì căn cứ theo sự hiển hiện của Như Lai, cho nên hợp thành mười cõi.

Trong tịnh độ lại phân làm bốn vị:

1. Phàm thánh đồng cư vị, như khi Bồ-tát Di-lặc xuất thế, thì Phàm thánh đồng cư trụ trong cõi tịnh, cũng như chín phẩm vãng sinh Tây phương là phàm, lại có hiền thánh tam thừa.

2. Đại tiểu đồng trụ độ, nghĩa là La-hán, Bích-chi và Bồ-tát có oai lực lớn, bỏ thân phần đoạn trong ba cõi, mà sinh vào tịnh độ ngoài ba cõi.

3. Độc Bồ-tát sở trụ độ, nghĩa là đạo lực của Bồ-tát vượt trên Nhị thừa nên quốc độ vũ trụ cũng khác, như thế giới Hương tích, không có tên Nhị thừa, cũng như thế giới Thất bảo chỉ có Bồ-tát.

4. Chư Cõi Phật cư độ, như kinh Nhân Vương ghi: “Tam hiền, Thập thánh đều trụ ở quả báo, chỉ có Phật cư ở tịnh độ”. Các tịnh độ trụ không ngoài bốn cõi này, tức theo thứ tự từ kém đến hơn, tất cả đều có văn chứng minh.

Hỏi: Lấy gì làm thể của quốc độ?

Đáp: Thể của quốc độ có ba:

1. Luận theo chiều ngang, thể có năm: Hóa xứ tịnh, hóa chủ tịnh, giáo môn tịnh, đồ chúng tịnh, Thời tiết tịnh, không có nạn chiến tranh.

2. Nếu luận theo ba thời gian thì cõi nước thế gian lấy bảy báu làm thể.

3. Luận theo chiều dọc đối với đạo mà nói thì cõi nước dùng chẳng cõi nước làm thể, cần phải do Bất nhị mới có cõi nước, nghĩa là vì có nghĩa không, cho nên tất cả pháp thành tựu.

Xét văn thì có hai ý: Đầu tiên nói về tu tịnh độ, kế đó chính thức trả lời về nhân quả tịnh độ. Sở dĩ chia làm hai ý này là vì phàm có sở thuyết, ắt trước phải nói bản ý, sau mới trả lời câu hỏi. Bản ý có hai: Đầu tiên là nói về ý giữ lấy báo độ, kế đó nói về ý giữ lấy ứng độ. Ý nghĩa giữ lấy cõi Phật chỉ có hai ý này. Tất cả chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát, đây là nêu lên ý giữ lấy cõi Phật. Bồ-tát giữ lấy quốc độ là vì đại Bi sinh khởi, đại bi do chúng sinh phát khởi, vậy chúng sinh là duyên để giữ lấy cõi Phật. Trong duyên nói quả, cho nên nói tất cả chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát. Trong duyên nói quả thì cũng như nói người ăn vàng, nhưng vàng chẳng thể ăn, nhân có vàng mà được ăn, cho nên nói ăn vàng. Vả lại chúng sinh là Cõi Phật của Bồ-tát thì đoạn sau Phật sẽ giải thích.

Vì sao? Bồ-tát tùy chúng sinh được giáo hóa mà giữ lấy cõi Phật: Đây là giải thích câu nói trên. Người có nghi hỏi rằng: “Cõi nước là báo độ của chính mình, vì sao lại nói các chúng sinh là cõi Phật của ta? Vì

thế Thích Luận ghi: “Bồ-tát giữ lấy cõi Phật, vốn là vì chúng sinh, nhân chúng sinh mà nói chúng sinh là cõi Phật. Tùy chúng sinh được giáo hóa mà giữ lấy cõi Phật, đây là nói về nghĩa “sinh thiện”. Tùy thuận dùng một pháp nào mà hóa độ chúng sinh như bố thí, trì giới... mỗi mỗi đều thuận theo sở hành của họ mà vị lai sinh vào cõi ấy. Nếu nhân trì giới thì quốc độ bằng phẳng, nếu nhân bố thí thì đầy đủ bảy báu, lược nêu hai pháp thì các pháp khác cũng như thế. Lại nói tùy chúng sinh được hóa độ nhiều hay ít mà giữ lấy cõi Phật rộng hoặc hẹp. Vì thế cõi Phật hoặc như bốn thiên hạ, hoặc lấy cõi Tam thiên, hoặc lấy hằng hà sa làm một cõi Phật. Ngài La-thập nói rằng: “Cũng có ý này”. Nay cho rằng gồm cả hai nghĩa một tức tùy theo nghĩa sinh thiện cạn sâu; hai là tùy theo người nhiều ít.

Tùy chúng sinh được điều phục mà giữ lấy cõi Phật: Câu trước là nói về sâu cạn của “sinh thiện”, câu này là nói về nhiều ít của “diệt ác”, cho nên có thô và diệu của việc giữ lấy cõi Phật.

Tùy theo chúng sinh muốn vào quốc độ nào để nhập trí tuệ Phật mà giữ lấy cõi Phật; tùy theo chúng sinh muốn vào quốc độ nào để khởi Bồ-tát căn mà giữ lấy cõi Phật: Hai câu trước là ý nói về giữ lấy báo độ, hai câu này là ý nói về giữ lấy ứng độ. Ứng vào cõi nào, nghĩa là nếu muốn thấy tịnh độ để được ngộ, thì chỉ cho họ ngọc báu, nếu muốn thấy uế độ để được ngộ đạo thì hiện đất cát. Vào trí tuệ Phật, ngài Tăng Triệu ghi: “Địa thứ bảy được vô sinh tuệ”, cho nên Đại Phẩm ghi: “Địa thứ bảy gọi là Phật nhãn địa”. Khởi Bồ-tát căn, tức tâm Bồ-đề của Địa thứ sáu trở xuống. Có người cho rằng Sơ địa được chân giải thoát, sinh vào nhà Phật là nhập Phật tuệ, từ tâm này trở xuống cho đến Thập tín là Bồ-tát căn. Có người cho rằng tùy chúng sinh được giáo hóa, tức giáo hóa ngoại đạo phàm phu khiến họ tin hiểu. Tùy chúng sinh được điều phục tức giáo hóa nội đạo phàm phu khiến họ tu hành sinh khởi các hạnh. Hai câu này là giáo hóa hàng căn cơ trước Thập địa mà giữ lấy cõi Phật. Ở đây cho rằng hai câu văn trên là giáo hóa Bồ-tát đã vào Sơ địa trở lên. Vào trí tuệ Phật tức là đạt Phật quả, khởi Bồ-tát căn, chính là nói về tu nhân. Bốn câu này gom thâu duyên hành hóa. Đầu tiên từ ngoại phàm cuối cùng đến quả Phật, chỉ nói về ý giữ lấy cõi Phật, chẳng phán xét về báo ứng độ khác nhau.

Vì sao? Bồ-tát giữ lấy cõi Phật là vì lợi ích chúng sinh: Câu này là giải thích ý giữ lấy cõi Phật đã nêu. Theo văn thì gồm có ba: Đó là pháp, thí và hợ; đây là đoạn thuyết về pháp. Lẽ ra có hỏi rằng: “Bồ-tát thành Phật, được quốc độ tự an ổn, vì sao chỉ nói là vì chúng sinh?” Vì



sao tức là trả lời câu hỏi. Phạm pháp thân không hình tượng, há lại có quốc độ sao? Nhưng khiến cho giữ lấy cõi Phật đều là vì lợi ích chúng sinh.

Ví như có người muốn xây dựng nhà cửa cung điện trên đất trống, thì tùy ý muốn của mình không gì ngăn ngại. Nếu xây trên hư không thì chẳng thể thành tựu được: Đây là phần ví dụ. Lẽ ra có nghi rằng: “Tuệ quán không hay đối trị hoặc nhiệm, có thể đắc tịnh độ, nhưng vì chúng sinh cho nên phát tâm giữ lấy hữu, làm sao có thể đắc tịnh độ?” Vì thế nêu ví dụ, phạm xây dựng cung điện nhà cửa, cần phải có hai điều kiện là khoảng không và mặt đất thì mới thành, cũng thế Bồ-tát với tâm không nương vào đất chúng sinh thì mới đạt được tịnh độ. Nếu chỉ có khoảng không mà không có đất, thì nhà cửa sẽ không tạo lập được. Nhị thừa chỉ tu không quán, chẳng vì chúng sinh cho nên không có tịnh độ.

Bồ-tát cũng thế, vì thành tựu chúng sinh nên nguyện giữ lấy cõi Phật, nguyện giữ lấy cõi Phật chẳng phải ở nơi hư không vậy: Đây là phần hợp thuyết.

Bảo Tích! Ông nên biết rằng trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát: Từ trước đến đây là nói về ý giữ lấy Cõi Phật, từ đây trở xuống là phần chính thức trả lời câu hỏi về nhân quả tịnh độ. Và lại trên đã nói Bồ-tát vì chúng sinh mà giữ lấy cõi Phật, là môn đại bi, nay nói về nhân quả tịnh độ là môn tu hành. Hơn nữa ở trên là nguyện môn còn ở đây là hạnh môn.

Nguyện môn, cho nên văn ghi: “Nguyện giữ lấy cõi Phật”. Nay chính thức nói về tu hành. Trước đã nói chúng sinh là cõi Phật là trong duyên nói quả, nay luận trực tâm là cõi Phật, là trong nhân nói quả, gồm bảy chương, như trong Huyền nghĩa đã giải thích. Căn cứ theo văn thì gồm có hai: Đầu tiên chính thức nói nhân quả tịnh độ, thứ hai là giải thích nghi nạn. Chương trước lại phân hai, đầu tiên nói về hạnh và thể, thứ hai là luận về thứ tự tu hành. Đầu tiên gồm mười bảy câu văn, trong mỗi câu đều trả lời đủ hai câu hỏi về nhân quả. Trước nêu nhân để trả lời câu hỏi về nhân, kế đến nêu quả để đáp câu hỏi về quả. Trước nói chúng sinh là cõi Phật của Bồ-tát là căn cứ theo duyên mà nói tên quả. Nói trực tâm là nhân của tịnh độ, tức căn cứ theo nhân mà nói tên quả. Sở dĩ căn cứ theo nhân và duyên để nói về tịnh độ là vì phạm muốn giữ lấy cõi Phật, cần phải đầy đủ hai nghĩa:

1. Trước phải khởi đại Bi vì chúng sinh.
2. Do Bồ-tát tu các hạnh như trực tâm....

Đầy đủ hai điều này mới đạt được cõi Phật. Vì thế văn trước thì

duyên thuyết quả, còn chương này thì theo nhân thuyết quả. Nói trực tâm, là vì phạm phu trệ nơi hữu. Nhị thừa trệ nơi không, đều là tà khúc, Bồ-tát hành chánh quán, gọi là chánh trực tâm. Tâm này là gốc của chúng sinh, là nền móng của tịnh độ, cho nên phải nói đến đầu tiên.

Khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh không xiểm khúc sẽ sinh vào quốc độ ấy: Trên nói về trực tâm là đáp câu hỏi về nhân tịnh độ, còn đây là đáp câu hỏi về quả tịnh độ. Bảo Tích đầu tiên hỏi về quả sau mới hỏi đến nhân, đây là căn cứ theo lời hỏi, còn trước đáp nhân, sau đáp quả là thứ tự tu hành. “Khi Bồ-tát thành Phật” là trả lời câu: “Nguyện được nghe cõi Phật” ở trên. “Chúng sinh không xiểm khúc sẽ sinh về nước ấy”, đây là đáp câu: “Quốc độ thanh tịnh nói trên”. Bồ-tát tự tu chánh quán, hóa độ chúng sinh cũng khiến cho họ đạt được tâm này. Cho nên chúng sinh và Đại sĩ hiện tại đồng ngộ đạo, vị lai sẽ đồng sinh, cho nên nói: “Chúng sinh không xiểm khúc đồng sinh về nước ấy” chẳng xiểm khúc và trực tâm, tên tuy khác nhưng chỉ một thể.

Thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát: Tự có tuy là chánh trực (ngay thẳng), nhưng vị tất đã thâm nhập, cho nên nay nói mới phát tâm, bắt đầu có chánh quán, chánh quán càng sáng tỏ thì gọi là thâm tâm, nghĩa là sâu bên khó nhỏ, tức là thâm.

Khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh có đầy đủ công đức sẽ sinh về quốc độ ấy: Tâm đã sâu bên thì các đức ắt đầy đủ, cho nên nói: “Những chúng sinh có đầy đủ công đức sẽ sinh về nước ấy.”

Hỏi: Bồ-tát tự tu thâm tâm, vì sao chúng sinh có đầy đủ công đức lại được sinh về nước ấy?

Đáp: Trước đã rõ, nay lại có ba nghĩa:

1. Thâm tâm là sức của tịnh nghiệp, nên tự nhiên những chúng sinh có đầy đủ công đức sẽ sinh về nước ấy. Như giết người, tự nhiên sẽ cảm quyền thuộc sát sinh, sinh về nước ấy.

2. Do thâm tâm của Đại sĩ, khiến cho người có thâm tâm thích nghĩ nhớ gần gũi Bồ-tát, cho nên sinh về nước ấy.

3. Do thâm tâm cho nên được cõi tịnh diệu, người đều thích sinh, cho nên tu thâm tâm sẽ vãng sinh đến nước ấy. Một môn như thế, thì các hạnh khác cũng như thế.

Tâm Đại thừa là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì các chúng sinh có tâm đại thừa sẽ sinh sang nước ấy: Thứ tự ba tâm, phạm muốn thành đạo lớn trước cần phải ngay thẳng tâm mình, tâm đã ngay thẳng sau đó mới hành đạo, vào hạnh đã sâu thì vận chuyển cùng khắp tất cả khiến tất cả đều hướng về Phật, gọi là tâm Bồ-đề, đó là thứ tự ba

tâm đã nêu.

Bố thí là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh hay bố thí, tất cả sẽ sinh vào nước ấy: Trên là nêu ba tâm, còn đây là nói quá khứ tu tập đầy đủ các hạnh. Lục độ là pháp căn yếu của Bồ-tát cho nên nêu lên đầu tiên. Bên ngoài thì bỏ đất nước, tài sản, thân mạng, trong thì xả bỏ tham ái, xan tận... gọi là bố thí xả bỏ tất cả.

Trì giới là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh tu tập mười điều lành, đầy đủ các nguyện sẽ sinh sang nước ấy: Mười điều thiện là giới vốn có, có Phật hay không Phật, pháp này vẫn thường hằng, cho nên chỉ một hạnh này được nêu lên. Giới đầy đủ thì không nguyện nào chẳng thành, như bình Thiên đức. Cho nên nói những chúng sinh đầy đủ các nguyện sẽ sinh sang nước ấy.

Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì chúng sinh có ba mươi hai tướng trang nghiêm sẽ sinh sang nước ấy. Tinh tấn là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh chuyên cần tu tất cả công đức sẽ sinh sang nước ấy. Thiền định là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh nhiếp tâm không loạn động sẽ sinh sang nước ấy. Trí tuệ là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh có chánh định sẽ sinh sang nước ấy: Được trí tuệ chân chánh, quyết định tướng các pháp gọi là chánh định tuệ. Chánh định tuệ, theo pháp Tiểu thừa từ nhẫn pháp về trước bất thoái còn là phạm phu, theo pháp Đại thừa thì từ sáu tâm trở lên bất thoái, là chánh định tuệ của Tiểu thừa.

Bốn Vô lượng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh đã thành tựu Từ, Bi, Hỷ, Xả sẽ sinh sang nước ấy: Do trong có bốn đẳng cho nên thực hành sáu độ, vì thế theo thứ tự diễn thuyết. Bốn tâm của Tiểu thừa chỉ duyên với chúng sinh ở cõi Dục và cõi Sắc, chưa phải chân thật vô lượng. Bốn tâm của Đại thừa, biến thông cùng khắp không có bờ mé, nên gọi là vô lượng.

Bốn Nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ-tát: Bốn đẳng tâm là tâm cứu độ chúng sinh, bốn nhiếp là sự để tạo duyên hóa độ, trong ngoài khác nhau, cho nên thứ tự nêu lên. Bốn tức là Bố thí, Ái ngữ, Lợi ích và Đồng sự. Hành bốn pháp này thì nhiếp thọ tất cả chúng sinh, khiến họ trụ nơi lý, cho nên gọi là nhiếp (thu phục). Bố thí và nhiếp khác nhau, dùng tài vật ban phát cho người gọi là bố thí, dùng bố thí để thu phục người, khiến cho người trở vào đạo thì gọi là nhiếp.

Khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh được nhiếp phục giải thoát sinh sang nước ấy: Giải thoát tức Niết-bàn. Khi Bồ-tát tu nhân,

dùng bốn Nhiếp để nhiếp phục chúng sinh, chúng sinh được nhiếp phục, về sau tất sẽ được quả giải thoát. Cho nên những chúng sinh này được giải thoát thu nhiếp, tức là giải thoát. Trụ nơi lý là nghĩa của nhiếp. Và lại, Thích Nghĩa ghi: “Bồ-tát đã nhiếp phục chúng sinh thì chúng sinh lệ thuộc Bồ-tát”, cho nên nay nói giải thoát là giải thoát khỏi sự nhiếp phục của Bồ-tát, mình chẳng còn bị lệ thuộc nữa, cho nên nhiếp phục.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh đạt được phương tiện vô ngại đối với các pháp sẽ sinh sang nước ấy: Đầu tiên từ trực tâm, cuối cùng đến bốn nhiếp, tất cả đều cầu đến phương tiện, thì mới không rơi vào Nhị thừa, vượt ba hữu, cho nên kế tiếp là nêu phương tiện. Phương tiện tức là phương tiện tuệ thiện xảo, gom chứa ít phước mà đạt được công to lớn, ở nơi hữu mà chẳng trái sự vắng lặng, vào không mà chẳng mất công năng hoá độ, không làm mà làm tất cả, tức là phương tiện vô ngại.

Ba mươi bảy phẩm là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh có đầy đủ Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, Giác, Đạo sẽ sinh sang nước ấy: Ba mươi bảy phẩm là pháp hướng đến Niết-bàn, vì có phương tiện nên có thể hành trì đạo phẩm, không chứng quả Nhị thừa, vì thế mà nêu tiếp sau phương tiện. Ba mươi bảy đạo phẩm tức ba pháp bốn, hai pháp năm, một pháp bảy và một pháp tám, tổng cộng là ba mươi bảy. Ba pháp bốn là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần và bốn Như ý túc. Hai pháp năm là năm Căn, năm Lực. Một pháp bảy là bảy Giác chi. Một pháp tám là tám Chánh đạo. Nói Đạo phẩm là vì đạo tức Bồ-đề, phẩm tức phẩm loại. Ba mươi bảy đạo phẩm này đều là hạnh để hướng đến Bồ-đề, nhưng có phẩm loại khác nhau, sẽ có riêng một khoa lớn, đây không giải thích rộng.

Hồi hướng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì sẽ được quốc độ có đầy đủ các công đức: Vì có phương tiện thực hành Đạo phẩm, thì đã chẳng rơi vào Nhị thừa, lại xoay thiện căn này hướng đến Phật đạo, cho nên kế tiếp cần phải nói đến việc hồi hướng. Và lại công đức của phàm phu đều là hướng đến ba cõi, tâm Tiểu thừa làm việc thiện thì hướng đến Nhị thừa, tất cả đều cảm quả báo nhỏ hẹp. Nay thì xoay hai pháp thiện này hướng đến Phật đạo, thì sẽ được quả to lớn, cho nên văn sau đó nói hồi hướng là vì lợi ích lớn. Hồi hướng, tức xoay thiện căn của mình hướng về chúng sinh, cho nên gọi là hồi hướng. Và lại chỉ có thiện thì phước kém ít, nếu gồm cả việc tế độ thì phước sẽ nhiều. Lại xoay thiện căn của mình hướng về thật tướng, cho nên gọi là hồi hướng. Ba nghĩa trên tuy hướng về Phật hướng về người, nhưng

nếu có chấp tướng phân biệt thì cảm quả cũng sẽ kém ít. Nếu một việc thiện nhỏ bằng mảy lông, mà hưởng về thật tướng, vì thật tướng là lý, thấu đạt thật tướng thì phước sẽ rộng lớn như hư không. Ba câu sau chỉ nói về quốc độ, chẳng nói đến chúng sinh là vì đã lược bớt.

Thuyết trừ tám nạn là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì quốc độ sẽ không có ba ác và tám nạn: Tu hạnh tịnh độ gồm có hai hạnh:

1. Tu thiện pháp, nghĩa là khởi hạnh tịnh độ.
2. Thuyết trừ tám nạn, tức nói pháp lìa ác, nghĩa là xả bỏ hạnh uế độ.

Từ trước đến đây đã nói xong về hạnh đầu tiên. Bây giờ, là nói đến hạnh thứ hai. Tám nạn: Ba đường là ba nạn, nhân gian có bốn nạn:

1. Đui, điếc bẩm sinh, đây là khổ báo.
2. Thế trí biện thông, tà kiến phiền não, hai loại này là thể của nạn.

3. Sinh trước Phật và sau Phật, đây là nói thời là nạn.

4. Phương Bắc, lấy quốc độ làm nạn.

Trường thọ thiên là một nạn, đây cũng lấy quốc độ làm nạn. Thế thì biết tám nạn có đủ năm đường.

Thuyết trừ tám nạn theo luận Thành Thật thì dùng bốn luân để đối trị. Bốn luân:

1. Trụ thiện xứ luân, đối trị ba đường, Bắc Uất-đơn-việt và Trường thọ thiên.
2. Y thiện nhân luân, đối trị nạn sinh trước Phật và sau Phật.
3. Tự phát chánh nguyện luân tức tâm chánh kiến, đối trị với nạn thế trí biện thông.
4. Túc thực thiện căn luân, đối trị với nạn đui điếc bẩm sinh.

Nếu căn cứ theo hạnh để đối trị thì trì tịnh giới đối trị với nạn ba đường, thích bố thí pháp đối trị nạn đui điếc, tu chánh pháp đối trị với thế trí biện thông, cúng dường chư Phật đối trị với nạn sinh trước Phật sau Phật, tu tập chánh quán đối trị với nạn sinh ở Bắc Uất-đơn-việt và trời Trường thọ.

Tự mình giữ giới hạnh, không chê bai chỗ thiếu sót của người khác là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật thì quốc độ không có danh từ phạm giới: Tự mình giữ giới hạnh tức trì giới, chẳng chê bai chỗ thiếu sót của người khác nghĩa là chẳng thấy lỗi người. Vì có hai duyên này cho nên quốc độ không có danh từ phạm giới cấm, huống gì có việc

phạm giới.

Mười điều thiện là tịnh độ của Bồ-tát: Trên đã nói tự giữ giới hạnh. Tức giữ giới xuất gia. Đây nói hành mười điều thiện tức giới tại gia. Khi Bồ-tát thành Phật thì những chúng sinh không yếu mệnh (tức quả báo của giới chẳng sát sinh), rất giàu có (là quả báo của giới không trộm cắp), phạm hạnh (quả báo của giới không tà dâm), có ngôn từ nói chân thật (quả báo của giới không vọng ngữ); thường dùng ngôn từ nói nhu hòa (quả báo của giới không ác khẩu); quyến thuộc không chia lìa, khéo léo giải hòa việc tranh cãi kiện tụng (quả báo của giới không nói lưỡi hai chiều); lời nói có lợi ích (quả báo của giới không nói lời thêu dệt); chẳng ganh ghét đố kỵ, chẳng sân hận, thấy biết chân chánh (ba cảm báo của ý nghiệp) sẽ sinh sang nước ấy.

Hỏi: Mười điều thiện có mấy phẩm?

Đáp: Như Địa kinh ghi thì gồm bốn phẩm là phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát và Phật. Mười điều thiện sở dĩ gọi là đạo là vì hai nghĩa sau:

1. Đối với nhân, vì nêu lên nhân trước kia cho nên gọi là đạo.
2. Đối với quả sau này, vì mọi người đều đến quả Phật cho nên sau gọi là đạo.

Hỏi: Vì sao sau cùng lại nói mười điều thiện?

Đáp: Hợp chung các hạnh đã nêu trên thành thân miệng ý thanh tịnh, làm gốc của tịnh độ.

Như thế, Bảo Tích! Tùy theo trực tâm mà phát khởi các hạnh: Từ trước đến đây là phần chính thức nói về hạnh tu tịnh độ; từ đây về sau là luận về thứ tự tu hành. Tùy trực tâm tức là tâm chánh tín, đã có tâm chánh tín thì có thể phát khởi các hạnh.

Tùy sự phát khởi các hạnh mà được thâm tâm: Đã phát khởi hành các việc thiện, thì chánh quán trở nên sáng tỏ, cho nên gọi là thâm tâm. Tùy nơi thâm tâm thì ý điều phục. Quán tâm đã sáng tỏ, thì bỏ ác theo thiện, cho nên gọi là điều phục.

Tùy sự điều phục thì thực hành như lời nói: Tâm đã điều phục thì có thể thực hành như lời Phật dạy.

Tùy sự thực hành như lời nói thì có thể hồi hướng: Đã hành như lời Phật thuyết thì có thể xoay việc thực hành ấy hướng đến Phật đạo.

Tùy sự hồi hướng mà có phương tiện: Đã có thể hồi hướng Phật đạo thì chẳng đọa vào ba cõi cho nên gọi là xảo phương tiện.

Tùy phương tiện mà thành tựu chúng sinh: Ngài La-thập nói: “Phương tiện có ba:

1. Tự hành khéo léo, mà không chấp tướng.

2. Chẳng thủ chứng.

3. Khéo léo hóa độ chúng sinh”.

Tùy sự thành tựu chúng sinh mà thanh tịnh cõi Phật: Chúng sinh đã thanh tịnh thì không có uế độ.

Tùy theo cõi Phật thanh tịnh thì thuyết pháp thanh tịnh: Đã trụ ở tịnh độ thì chẳng nói những giáo pháp xen tạp khác, gọi là thuyết pháp thanh tịnh.

Tùy sự thuyết pháp thanh tịnh mà trí tuệ thanh tịnh: Đã có thuyết pháp thanh tịnh thì có trí tuệ thanh tịnh sinh khởi.

Tùy trí tuệ thanh tịnh thì tâm ấy thanh tịnh: Tịnh trí đã sinh, thì tâm ấy tịnh. Gốc của trí tuệ là tâm, cho nên nói tâm tịnh.

Tùy tâm tịnh thì tất cả công đức đều thanh tịnh: Tâm tịnh là gốc, vì gốc đã tịnh cho nên tất cả đều tịnh.

Vì thế, này Bảo Tích! Nếu Bồ-tát muốn đạt được tịnh độ thì nên tịnh tâm mình, tùy nơi tâm tịnh mà cõi Phật tịnh: Từ trên đến đây tuy nói về các hạnh mà nhân quả tịnh độ vốn là chỗ quy về cốt yếu với tâm là gốc. Cho nên Địa kinh ghi: “Ba cõi, năm đường đều do tâm tạo, cho nên muốn được tịnh độ nên tịnh tâm của chính mình.”

Hỏi: “Tùy theo trực tâm” cho đến cuối cùng là “tất cả công đức đều thanh tịnh” có thể căn cứ theo vị để giải thích chăng?

Đáp: Hãy lược suy xét điều này, hàng ngoại phạm, đầu tiên khởi Thập tín, gọi là trực tâm, đã có tín tâm thì nên tu các hạnh cho nên hàng nội phạm gọi là phát hạnh. Sơ địa trở lên tu tập đối trị các nghiệp gọi là thâm tâm, Địa thứ hai giữ giới ngăn ngừa điều ác gọi là điều phục; Địa thứ ba theo sự nghe mà tu tập thiền định gọi là Như thuyết hành; Địa thứ tư đến Địa thứ sáu, tu tập Thuận nhẫn hương về vô sinh, gọi là Hồi hương; Địa thứ bảy tu tập mười phương tiện, hay thành tựu chúng sinh gọi là phương tiện; Địa thứ tám tu hạnh thanh tịnh cõi Phật gọi là Cõi Phật tịnh; Địa thứ chín có biện tài thuyết pháp độ chúng sinh gọi là thuyết pháp tịnh; Địa thứ mười thành tựu trí Ba-la-mật, gọi là trí tuệ tịnh; Đăng giác tức kim cương tâm, gọi là tịnh tâm; Diệu giác thì hạnh nguyện đã viên mãn, cho nên gọi là tất cả công đức đều thanh tịnh.

Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất nhờ sức oai thần của Phật mà nghĩ rằng: “Nếu tâm Bồ-tát tịnh thì cõi Phật tịnh, vậy khi Đức Thế Tôn ta còn là Bồ-tát, tâm ngài há chẳng thanh tịnh sao, mà quốc độ lúc ấy chẳng tịnh như thế?": Từ đây trở xuống là phần thứ hai, kế tiếp giải thích những mối nghi. Theo văn thì gồm có hai: Đầu tiên nói về phát sinh nghi, kế đến là giải thích nghi. Đoạn đầu gồm ba câu:

1. Nguyên nhân sinh nghi.
2. Nơi sinh nghi.
3. Chính thức sinh nghi.

Thừa thánh chỉ của Phật, đây là nói về nguyên nhân sinh nghi. Nhưng làm thanh tịnh cõi Phật và thành tựu chúng sinh là pháp môn của bậc Đại sĩ, vốn chẳng phải là việc của Tiểu thừa. Nay muốn nói cõi Phật thường tịnh, thiện ác xuất phát từ hai duyên, cho nên dùng oai thần làm phát sinh niệm nghi ngờ, để khởi đầu mỗi luận biện. Tâm Bồ-tát thanh tịnh, đây là theo đoạn văn trên mà nói về nơi sinh nghi. Thế Tôn ta... là phần chánh nghi, lấy quốc độ để nêu ra tâm, dùng tâm để quyết định quốc độ. Cõi nước đã uesthì tâm chẳng thể thanh tịnh, tâm đã tịnh thì quốc độ chẳng thể uesthì, giữa hai ý còn do dự không quyết định được, vì thế mà sinh nghi.

Phật biết tâm niệm ấy liền bảo rằng: “Ý ông thế nào? Mặt trời, mặt trăng há chẳng tịnh sao mà người mù chẳng thấy?”. Đáp rằng: “Bạch Thế Tôn! chẳng phải như thế. Đây là lỗi của người mù, chứ chẳng phải do mặt trời, mặt trăng.” Phật dạy: “Này Xá-lợi-phất! Do chúng sinh có tội chướng nên chẳng thấy quốc độ của Như Lai nghiêm tịnh, chứ chẳng phải do lỗi của Như Lai.”: Đây là đoạn thứ hai giải thích mối nghi. Theo văn thì có ba đoạn:

1. Đức Phật tự giải thích.
2. Phạm vương hỗ trợ giải thích.
3. Đức Phật giải thích lại một lần nữa.

Đức Phật là hóa chủ, cho nên giải thích trước điều nghi, Phật tuy nói tịnh độ nhưng không người chứng kiến, người khó có thể tin, cho nên kể đó Phạm vương giải thích, nói có người chứng kiến, để mình chứng cho lời của Phật không hư dối. Tuy Phạm vương có thấy, nhưng Thân Tử không thấy, cũng như có ngôn từ nói mà không có sự việc cho nên Như Lai mới biến quốc độ thành thanh tịnh như lời Như Lai đã nói và Phạm vương đã thấy. Vả lại lần thứ nhất nói thanh tịnh khiến cho nghe biết, kể đến Phạm vương thấy tịnh thì phát sinh tin hiểu. Thứ ba là giấu cõi uesthì hiện cõi tịnh khiến cho người chứng kiến, đó là thứ tự ngộ nhập.

Hỏi: Mặt trời, mặt trăng thường tịnh, người mù chẳng thấy, là lỗi của người mù, chẳng phải mặt trời, mặt trăng sai trái. Nếu hợp dụ thì lẽ ra phải nói: “Quốc độ thường thanh tịnh, mà ông không thấy là do các ông có lỗi, chẳng phải do quốc độ sai trái.” Vì sao lại nói là “chẳng phải Phật có lỗi”?



Đáp: Quốc độ nhân hay quốc độ quả, tất cả đều tùy thuộc vào Phật, cho nên nói “chẳng phải Phật có lỗi”.

Hỏi: Phật không có lỗi gì?

Đáp: Về nhân thì Phật không có lỗi bất tịnh, về quả thì Phật không có lỗi uế độ. Vả lại Thân Tử nghi Phật, cho rằng tâm bất tịnh, nên quốc độ bất tịnh. Vì thế nói: “Chẳng phải Phật có lỗi.”

Này Xá-lợi-phất! Cõi nước này của ta thanh tịnh mà ông không thấy: Trước nói bất tịnh là thuộc về Thân Tử, ở đây nói tịnh thì thuộc về Phật cho nên nói là “ta”. Nói “quốc độ này” là vì trước Thân Tử đã thấy quốc độ này bất tịnh, cho rằng Phật có riêng một quốc độ thanh tịnh ở một phương nào khác mà Thân Tử chẳng thấy, cho nên nay Phật mới nói “quốc độ này”.

Lúc bấy giờ, Phạm vương Loa Kế nói với ngài Xá-lợi-phất rằng: “Ngài chớ suy nghĩ như thế mà cho rằng cõi Phật này là bất tịnh. Vì sao? Vì tôi đã thấy quốc độ của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thanh tịnh như cung trời Tự tại.”: Đây là đoạn thứ hai, Phạm vương chứng minh lời giải thích. Theo văn thì gồm có ba đoạn:

1. Trách Thân Tử, mà trình bày điều mình đã thấy.
2. Thân Tử cũng thuật điều mình đã thấy để trả lời với Phạm vương.
3. Phạm vương phán định được mất.

Nói cung trời Tự tại, có người cho rằng đó chính là cung trời Tha hóa tự tại ở cõi Dục, cho nên kinh Vô Lượng Thọ ghi: “Vật báu ở đây giống như vật báu ở tầng trời thứ sáu.” Có người lại cho rằng đó là cung trời Đại tự tại ở cõi Sắc. Có người cho rằng cung này ở trên cõi sơ thiên, tức cung trời Tự tại ở trung gian thiên, vì Đại Phạm vương thống lĩnh một ngàn thế giới, nơi một ngàn thế giới tự tại trụ ở trung gian thiên, cho nên gọi là Tự tại thiên cung.

Hỏi: Vì sao chỉ nêu cung trời Tự tại?

Đáp: Vì cõi Phật chân thật thanh tịnh, siêu việt trời người. Thân Tử ở tại cõi người thì thấy quốc độ của loại người, Phạm vương sống lâu trên cõi trời thì thấy cung trời, nhưng cái thấy thì bằng nhau, vì thế mà nêu lên.

Xá-lợi-phất nói rằng: “Tôi chỉ thấy ở cõi này toàn là những cảnh vật xấu như dây dầy như gò nổi, hầm hố, gai góc, cát đá, núi non...”: Đây trở xuống là phần hai Thân Tử nêu lên chỗ thấy của mình. Vì muốn trả lời Phạm vương cho nên tự trình bày điều mình đã thấy đó là muốn chỉ rõ Nhị thừa là người có tội cấu, để hàng tiểu căn ham thích

đạo lớn.

Phạm Vương Loa Kế nói rằng: “Thưa ngài! Đó là do tâm của ngài có cao thấp, chẳng nương theo Phật tuệ, cho nên thấy quốc độ này không thanh tịnh mà thôi. Thưa ngài Xá-lợi-phất! Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh đều bình đẳng. Tâm tâm thanh tịnh nương vào Phật tuệ, nên thấy quốc độ này thanh tịnh.”: Đây là đoạn thứ ba Phạm vương phán định được mất. Vạn sự vạn hình đều do tâm khởi, tâm của hàng Nhị thừa đã bất tịnh, cho nên thấy quốc độ bất tịnh, bậc Đại sĩ được tịnh quán, cho nên thấy quốc độ thanh tịnh. Nhưng luận chung về được mất, thì gồm bốn môn:

1. Hai người đều được, tức Thân Tử được ược phương tiện, Phạm vương được tịnh phương tiện.

2. Hai người đều mất, Thân Tử chỉ chấp ược mất tịnh, Phạm vương chỉ chấp tịnh mất ược.

3. Thân Tử mất, Phạm vương được, phù hợp với giáo môn tịnh độ.

4. Thân Tử được Phạm vương mất, có lúc nên hiện ược, chẳng nên hiện tịnh.

Lúc bấy giờ, Đức Phật dùng ngón chân ấn trên đất, thì tức thời tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu trăm ngàn báu vật trang nghiêm như cõi Vô lượng công đức bảo trang nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm, tất cả đại chúng đều khen là việc chưa từng có và đều tự thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

Đây là đoạn thứ ba nói về Đức Phật hiển thị tịnh độ để đáp lại một lần nữa. Theo văn thì gồm hai: Đầu tiên nói về thật tịnh, kế đó nói về ngộ đạo. Ngài La-thập nói: “Hai cõi tịnh ược đồng ở một nơi mà không ngại nhau.” Nay ẩn ược hiện tịnh để chứng minh cho lời Phật chẳng hư dối, Phạm vương thấy thật tịnh. Và lại để hiển Nhị thừa là loại đui mù, phàm phu có tội cấu.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: “Ông hãy xem cõi Phật này trang nghiêm thanh tịnh như thế.” Xá-lợi-phất thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Con vốn chưa thấy chưa nghe, mà nay cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh đều hiện.” Phật bảo Xá-lợi-phất: “Cõi Phật của ta đây thường thanh tịnh như thế, nhưng vì muốn độ hàng căn cơ thấp kém, cho nên biến hiện thành quốc độ dơ ược mà thôi.”: Nói “quốc độ của ta đây được thanh tịnh” là muốn giải nghi cho nên có đoạn này. Lúc bấy giờ đại chúng nghi rằng: “Cõi nước vốn chẳng tịnh, nay mới biến thành tịnh vậy”, vậy đại chúng thấy ược là thật, vì thế mới nói “quốc độ của ta đây

xưa nay thường thanh tịnh”, chẳng phải nay mới biến thành tịnh. Lúc bấy giờ, đại chúng lại nghi: “Nếu thường thanh tịnh vì sao chẳng thường hiện cõi tịnh, mà biến thành uế?” cho nên lại phải giải thích rằng: “Vì muốn độ những căn cơ thấp kém, cho nên hiện quốc độ dơ xấu này.” Nhưng uế độ có hai là báo và ứng, căn cứ theo báo độ để trả lời, và nhìn từ Phật mà nói thì quốc độ thanh tịnh, vì độ chúng sinh căn cơ thấp kém mà thị hiện quốc độ nhơ xấu bất tịnh. Căn cứ theo ứng độ để trả lời, vì cõi chân thật của Phật thì luôn thanh tịnh, vì độ chúng sinh có căn cơ kém cõi nên tạo ra quốc độ bất tịnh.

Cũng như chư Thiên cùng có một loại bát đựng thức ăn, nhưng tùy theo phước lực của mỗi người mà màu sắc của cơm khác nhau. Cũng như thế, này Xá-lợi-phất! Nếu người có tâm thanh tịnh thì liền thấy quốc độ này có công đức trang nghiêm: Có ví dụ này là vì ở trên tuy đã dùng sự để chứng nghiệm, nhưng lúc bấy giờ đại chúng chưa hiểu vì sao thật là tịnh độ mà chúng ta lại thấy là uế độ, cho nên mới nêu ví dụ ấy, lặp lại để dễ hiểu. Người mới sinh về cõi trời, muốn thử biết công đức nhiều hay ít, nên cho dùng một loại bát đựng thức ăn mà ăn cơm trời, cơm trời rất trắng, không lấy trắng làm dụ. Nếu người có nhiều phước thì khi đưa cơm lên miệng, màu cơm vẫn không khác, nếu người ít phước thì khi đưa cơm lên miệng, cơm liền đổi màu. Theo ý ngài La-thập: “Trong một bát đựng thức ăn, có hai loại cơm, ứng với hai loại chúng sinh, như thế tức trong một nơi mà có hai cõi tịnh và uế. Ứng với hai duyên, đó là khác chất mà cùng một nơi, không ngăn ngại nhau.” Cát Tạng tôi cho rằng ngài La-thập giải thích như thế thì không hợp với văn, chỉ một loại cơm trắng mà người nhiều phước thì thấy cơm trắng, người ít phước thấy cơm màu đỏ. Hợp dụ tức là: Thật, là một cõi tịnh, Bồ-tát nương vào Phật tuệ, thì thấy là cõi tịnh, Nhị thừa chẳng nương vào Phật tuệ, cho nên thấy quốc độ chẳng tịnh, mà không được nói trong bát có hai loại cơm. Nếu có hai loại cơm, đâu còn thử biết được chư Thiên.

Trong khi Đức Phật hiện ra quốc độ thanh tịnh trang nghiêm thì năm trăm trưởng giả mà Bảo Tích đưa đến đều được Vô sinh pháp nhẫn, tám mươi bốn ngàn vị phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật lại thâm nhiếp thần túc, thì thế giới lại trở thành như cũ, thì ba mươi hai ngàn trời người cầu Thanh văn thừa biết được các pháp hữu vi đều là vô thường nên đã xa lìa trần cấu, chứng đắc Pháp nhãn tịnh, tám ngàn Tỳ-kheo không tham trước các pháp, kết lậu đã sạch, tâm ý được giải thoát: Đây là đoạn thứ hai nói về đại chúng đương thời ngộ đạo, nêu lên quốc độ Phật, mục đích chánh là ở đây. Theo văn thì gồm hai:

Đầu tiên nói về việc đạt lợi ích Đại thừa, kế đó nói đạt lợi ích Tiểu thừa. Đạt lợi ích Đại thừa lại có hai:

1. Đạt Vô sinh nhẫn, biết quốc độ vốn thanh tịnh, còn nhiễm thì xuất phát từ vọng tình mà ngộ tất cả pháp cũng như thế, cho nên được vô sinh. Vả lại nếu biết quốc độ chưa từng tịnh uế, tịnh uế phát khởi từ hai duyên. Biết tất cả các pháp chẳng định là hữu vô, hữu vô sinh nơi vọng tình, gọi đó là đạt vô sinh.

2. Phát tâm Bồ-đề, nghe nói tịnh độ thì lòng sinh vui mừng phát nguyện mong cầu. “Lúc ấy, thế giới trở lại như cũ”, đây trở xuống là nói về lợi ích Tiểu thừa chẳng có phần thì chẳng thể ở lâu, cho nên lại trở về chỗ thấy hợp với họ. Vả lại biến uế thành tịnh thì lợi ích Đại thừa, tịnh trở về uế thì lợi ích Tiểu thừa. Biết các pháp hữu vi là vô thường, quốc độ uế mà có thể biến thành tịnh, nghĩa là thấy pháp bốn đế. Đầu tiên thấy bốn đế cho nên gọi là nhẫn, đoạn tám mươi tám kết lậu, tức xa lìa trần cấu, gọi đó là tịnh. Lại giải thích rằng: Chẳng chấp ngoại cảnh là lìa trần, trong không có ngã kiến là lìa cấu thấy tứ đế một cách thấu suốt, gọi là Pháp nhẫn tịnh. Chẳng thọ các pháp, lậu tận ý giải, trên nói về lợi ích cạn mỏng, đây thì nói về lợi ích sâu xa. Biết quốc độ thường tịnh, chẳng tham trước các pháp, gọi là chẳng thọ. Chín mươi tám kết sử, các lậu đã tận trừ, tâm ý được giải thoát thành bậc A-la-hán.

-----